

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST

Ngày 07 tháng 02 năm 2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:
Ông Đặng Anh T - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2017/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S), sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ cư trú: Xóm đường 2, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ

2. Bị đơn: Anh Trương Anh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2017 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) trình bày: Chị kết hôn với anh Trương Anh T ngày 04/11/2010 trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, sau khi cưới chị về ở chung với gia đình anh T đến tháng 5/2011 thì vợ chồng ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà với bố mẹ anh T, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Trước khi lấy anh T thì không biết anh nghiện ma túy, đến khi chị mang thai được khoảng 02 tháng thì mới biết anh T nghiện ma túy, sau đó chị và gia đình cho anh cai nghiện tại nhà nhưng không cai được. Đầu tháng 01/2012 anh T đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tỉnh Vĩnh Phúc, trong thời gian anh T đi cai nghiện chị và gia đình có đến thăm nhiều lần. Đầu năm 2014 anh T về vợ chồng vẫn sống hòa thuận chị mua xe máy cho anh đi làm nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì anh T lại nghiện sau đó chị có mua thuốc cho anh cai ở nhà nhưng không kết quả. Thực tế chị và anh T không có mâu thuẫn gì nhưng do anh T nghiện ma túy đã hứa với chị nhiều lần là sẽ bỏ được ma túy nhưng anh vẫn nghiện ma túy nên chị chán nản. Năm 2016 anh T bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xử phạt 06 tháng tù về tội “Vô ý làm chết người” đến tháng 02/2017 ra trại, hiện nay anh T có mặt ở nhà, chị có nói cho anh T biết việc chị làm đơn xin ly hôn nhưng anh T nói "bạn không lên được mày muốn giải quyết đơn phương thì tự đi mà giải quyết". Như vậy anh T gây khó khăn cho chị, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2015 nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trương Anh T vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2017 anh T trình bày: Anh thừa nhận chị T (Sáu) trình bày đúng về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và thời gian vợ chồng đã sống ly thân. Thực tế anh và chị T không có mâu thuẫn gì, nhưng sau khi cưới anh lại nghiện ma túy sau đó đã đi cai nghiện 02 năm tại Trung tâm 06 của tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2013 thì về vợ chồng lại sống hòa thuận. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 02/2015, trong thời gian này anh có gọi chị T về nhiều lần nhưng chị không về, tháng 5/2016 anh vi phạm pháp luật nên bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xử phạt 06 tháng tù về tội “Vô ý làm chết người” đến tháng 03/2017 ra trại về địa phương. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ, nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị T, anh T có 01 con chung là cháu Trương Bảo V, sinh ngày 05/9/2011 hiện nay cháu đang ở với anh T, ly hôn chị T để cháu V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung chị T đồng ý.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và đất canh tác: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T và gia đình thanh toán công sức.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đề nghị: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) được ly hôn với anh Trương Anh T. Về con chung giao cho anh Trương Anh T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Bảo V, sinh ngày 05/9/2011 anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Tài sản chung, tài sản riêng công nợ và đất canh tác: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức chị T không yêu cầu anh T và gia đình thanh toán công sức. Án phí chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Trương Anh T theo quy định tại Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh T đã có lời khai vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) kết hôn với anh Trương Anh T trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết

hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 01 con chung, trong quá trình chung sống do anh T nghiện ma túy mặc dù chị T và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không từ bỏ được ma túy. Mặt khác tháng 5/2016 anh T lại vi phạm pháp luật nên bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xử phạt 06 tháng tù về tội “Vô ý làm chết người” từ đó chị T chán nản nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2015 cho đến nay. Việc anh T xin đoàn tụ là không thực tâm nhằm gây khó khăn cho chị T bởi lẽ, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không đạt được, vì vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị T anh T có 01 con chung là cháu V hiện nay cháu đang ở với anh T, ly hôn anh T xin nuôi cháu V chị T đồng ý vì vậy căn áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vy đến khi trưởng thành hoặc khi chị T, anh T có yêu cầu khác là phù hợp. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và đất canh tác: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. .

[4]. Về công sức: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T và gia đình thanh toán công sức nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) được ly hôn với anh Trương Anh T.

Về con chung: Anh Trương Anh T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu cháu Trương Bảo V, sinh ngày 05/9/2011 đến khi trưởng thành hoặc khi chị T (S)

có yêu cầu khác. Anh Trương Anh T không yêu cầu chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và đất canh tác: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) và anh Trương Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công sức: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) không yêu cầu anh Trương Anh T và gia đình thanh toán công sức.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003924 ngày 24/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị T (Sáu) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TƯỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ.....phút ngày 07 tháng 02 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Minh

Ông Nguyễn Văn Chung

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 327/2017/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S), sinh năm 1985

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Táo, xã Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ cư trú: Xóm đường 2, xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Trương Anh T, sinh năm 1983

Địa chỉ cư trú: Thôn Táo, xã Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Biểu quyết 3/3.

Xử: Cho chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) được ly hôn với anh Trương Anh T. Biểu quyết 3/3.

Về con chung: Anh Trương Anh T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu cháu Trương Bảo Vy, sinh ngày 05/9/2011 đến khi trưởng thành hoặc khi chị T (Sáu) có yêu cầu khác. Anh Trương Anh T không yêu cầu chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung. Biểu quyết 3/3.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và đất canh tác: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) và anh Trương Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Biểu quyết 3/3.

Về công sức: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) không yêu cầu anh Trương Anh T và gia đình thanh toán công sức. Biểu quyết 3/3.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T (Bùi Thị S) phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003924 ngày 24/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị T (Sáu) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Biểu quyết 3/3.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....ngày 07 tháng 02 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Chính;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Bình